

BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH U TÁN

QUYỂN HẠ

Đã biết các pháp cần học và đã tu như vậy rồi, thì tướng gì gọi người là chủ thể tu học, tu đủ cả chủng và hành, thành mười hai trụ thâu gồm chung cho tất cả các ngôi vị Bồ-tát đều tận, sau đó mới chứng đắc Bồ-đề vô thượng là trụ thứ mười ba, thành tựu quả viên mãn. Tụng nêu:

*Chủng tính, thắng giải hành
Cực hỷ, giới tăng thượng
Tâm tăng thượng ba tuệ
Vô tướng có công dụng
Vô tướng không công dụng
Cũng do vô ngại giải
Bồ-tát trụ tối thượng
Như Lai trụ tối cực*

1. Trụ chủng tính: Chưa phát khởi hướng đến Bồ-đề vô thượng, ở trong các trụ khác, chỉ có nhân chuyển. Tướng như trên đã nói.

2. Trụ thắng giải hành: Từ mới phát tâm cho đến địa thứ nhất do trước tu tướng, ở trong tự trụ, tuy đã được tịnh, nhưng vì để được tịnh mà tu chánh hạnh. Khởi tuệ phân biệt ý gắng tu tập, thành khổ luyện chậm thông, hành gắng sức nói pháp. Trụ này tùy lực cũng có thể hiện chánh giác... tạo lợi ích an lạc đối với các hạnh ở trụ trước hoặc chưa học hết, các tướng chưa thành, ý lạc chưa tịnh.

3. Trụ Cực hoan hỷ: Tức là địa thứ nhất. Như phẩm Bạch và mười đại nguyện trước đều hiện viên mãn, do đó mà chuyển, gọi là ý lạc tịnh thắng, vượt quá địa phàm phu, chứng Chánh tánh ly sinh, sinh ở nhà Như Lai, thành người con chân thật của Phật, nói giọng giống Phật, đắc các bình đẳng, lìa các tránh hại, được chứng tịnh đích thật, biết ta đã gần kề với Bồ-đề, chứng lý hai không, thành hai diệu trí, sinh đại hoan hỷ hành mười pháp trụ tịnh tu: là Tín, Từ bi, Tuệ, Không mệt mỏi, Biết các luận, Hiểu thế gian, Tu tâm quý (Hổ thẹn). Kiên lực trì, Cúng dường

chư Phật. Đối với pháp chín trụ, chuyên tinh cầu đến. Đa phần làm Luân vương, làm vua ở châu giới này, điều phục mọi sự keo kiệt cấu uế cho đến nguyện ta thường làm bậc tối tôn, làm chỗ nương dựa cho hữu tình, tạo các lợi ích. Hoặc có người vui thích với sự tinh tiến, tịnh tín xuất gia, trong khoảng sát na chứng đắc trăm Tam ma địa, dùng Thiên nhãn thanh tịnh thấy trăm đức Như Lai ở các Phật quốc. Biến hóa và trụ trì đều có thể hiểu rõ. Thần lực có thể làm động cả trăm thế giới Phật, thân cũng có thể đi đến các thế giới đó, phóng hào quang lớn, chiếu khắp khiến người khác đều thấy, hóa làm trăm loài, lợi lạc trăm hữu tình. Nếu muốn lưu giữ lại thân xác thì trụ được trăm kiếp, thấy được trăm chuyện ở đời trước và đời sau, chứng trăm pháp môn, hóa thành trăm thân, mỗi thân đều có thể hiện trăm Bồ-tát quyền thuộc.

4. Trụ giới tăng thượng: Tức là địa thứ hai, do mười ý lạc trụ trong trụ trước thanh tịnh mà được nhập vào trụ này, đầy đủ tính giới, ít tà nghiệp đạo, các thứ phạm giới ác cũng không hiện hành, huống nữa là ở nơi phẩm trung, thượng. Khéo hiểu rõ được các nhân quả nơi nghiệp đạo, tự mình hành và khuyên người khác hành các nghiệp tịnh, thượng xót nỗi khổ của hữu tình. Như thật quán chiếu, thấy rõ các thiện căn thanh tịnh của chư Phật. Đa phần làm Luân vương, làm vua bốn thiên hạ, dập tắt phạm giới, tất cả oai lực vượt hơn gấp mười lần trụ trước.

5. Trụ tâm tăng thượng: Tức là địa thứ ba. Do trụ trước tác ý, hiểu rõ thông đạt, lại còn nhờ mười tâm tịnh mà nhập vào trụ này. Có khả năng thông đạt các hành đại Bồ-đề của hữu tình, cũng chính thức tìm cầu phương tiện thoát khổ, các phiền não, trói buộc không chướng ngại, trí tuệ không phân biệt trong tịnh pháp giới, trí và kiến này hơn cả Tam ma địa. Tinh tiến, đa văn nơi tạng Bồ-tát. Không tiếc thân mạng, xả bỏ những gì yêu thích, không có sự trưởng, không thể thừa sự. Giáo và thế nguyện đều hành, thân thể chịu khổ, chỉ cần được nghe một bài tụng, còn hơn cả việc có được châu báu đầy cả đại thiên. Nghe được một câu pháp của Phật, có thể dẫn đến Chánh đẳng giác, làm tịnh hạnh Bồ-tát, còn hơn quả báo Thích Phạm hộ đời..., Giả sử có người bảo: Ta có một câu pháp có thể dẫn đến chánh đẳng giác làm tịnh hạnh Bồ-tát nếu ông chịu nhảy vào hầm lửa lớn, ta sẽ vì ông mà thuyết giảng, thì Bồ-tát cũng hoan hỷ, nói: Được! Dù đồng lửa lớn bằng tam thiên giới, vì để nghe được pháp ta còn có thể nhảy vào, huống nữa là một hố lửa nhỏ. Vì để cầu pháp Phật nên hãy còn ở lâu trong đại địa ngục, huống nữa là các nỗi khổ nhỏ khác. Nghe rồi liền có thể tùy pháp hành pháp, dẫn đến được trụ vào tĩnh lực của thế gian. Lại xả bỏ, tùy nguyện thọ sinh, đa

phần làm làm vua trời Đế thích, hóa độ mọi người khiến đoạn dứt dục tham, oai lực vượt quá các trụ trước hàng trăm ngàn lần.

6. Trụ Giác phần tương ứng tuệ tăng thượng: Tức là địa thứ tư. Do trụ trước cầu đa văn thành tựu mười pháp Minh, nên được nhập vào trụ này, đắc mười trí thành thực, tu pháp Bồ-đề, phần đoạn tất cả kiến chấp, như Tát-ca-da-kiến (thân kiến),... lìa nghiệp hủy báng, tu nghiệp khen ngợi, tâm chuyển nhu hòa, công đức hưng thịnh. An trụ tầm cầu, tu trị nghiệp địa, ý lạc viên mãn, thắng giải giới tánh. Oán địch của Thánh giáo không thể lay động được. Đa phần làm vua cõi Trời Tô Dạ ma, hóa trừ kiến chấp về thân tướng, oai lực vượt quá trụ trước hàng số câu chi.

7. Trụ các đế tương ứng tuệ tăng thượng: Tức là địa thứ năm. Do mười ý lạc bình đẳng thanh tịnh ở trụ trước mà nhập nơi trụ này. Dùng mười phương tiện quán sát các đế từ bỏ các hành, thương xót hữu tình, thâm nhận tư lương, siêng tu chánh nguyện. Hành niệm, tuệ... đều được tăng trưởng, lìa tác ý khác lạ, dùng các phương tiện để thành thực hữu tình, tất cả các thứ công xảo đều được dẫn phát, đa phần là làm vua cõi trời San-đô-sử-đa, hóa độ xả bỏ tất cả pháp tà nội ngoại.

8. Trụ duyên khởi tương ứng tuệ tăng thượng: Tức là địa thứ sáu. Do đắc mười loại pháp tính bình đẳng ở trước mà nhập nơi trụ này. Giác ngộ duyên khởi, sinh môn giải thoát, tất cả tướng tà đều không thể lay động. Vì để đem lại ích lợi cho hữu tình mà thâm nhận sinh tử, trí, bi, tùy duyên trí không chấp trước. Bát-nhã Ba-la-mật-đa trụ hiện tiền, chứng đắc vô lượng Tam ma địa thù thắng, ý lạc chẳng hoại, những thứ khác không thể xâm đoạt. Đa phần làm vua cõi trời Diệu Hóa thiên, hóa độ dứt trừ tất cả tăng thượng mạn, oai lực hơn cả hàng trăm ngàn câu chi lần trụ trước.

9. Trụ vô tướng có công dụng: Tức là địa thứ bảy. Do mười loại diệu tuệ phương tiện trước dẫn dắt thắng hạnh của thế gian tiến đạo, nên được nhập trụ này, đạt cảnh giới Phật, tu tập không gián đoạn, thiếu sót, mỗi một sát na chứng mười độ, pháp Bồ-đề, phần có hành gia hạnh, tất cả đều viên mãn, tuy tịnh trụ dẫn trước mà vẫn gọi là có nhiễm, trí công xảo đầy đủ vượt quá cảnh Tam ma địa của Nhị thừa, niệm niệm có thể nhập định diệt tận, có thể hiện ra những hành nghiệp rất hiếm có của Bồ-tát, đa phần là làm vua cõi trời Tha hóa tự tại, có thể truyền dạy phương tiện hiện quán cho nhị thừa, oai lực hơn cả hàng trăm ngàn câu chi lần trú trước.

10. Trụ vô tướng Vô công dụng: Tức là địa thứ tám. Do mười loại trên, nhập trí Đệ-nhất-nghĩa của tất cả các pháp, nên được vào trụ này.

Bốn trí như thật đã tu trước đây, nay đắc thanh tịnh, thành vô sinh nhẫn, đoạn dứt bốn tai họa nơi ái, trú nẻo thâm diệu. Nhờ chư Như Lai giác ngộ khuyến bảo hướng dẫn, truyền cho vô lượng môn trí phát khởi sự nghiệp thần thông, ngộ nhập vô lượng phần thân diệu trí, đắc mười tự tại, theo đó thọ nhận nhiều lợi lạc thù thắng, đa phần là làm vua cõi trời Sơ tinh lục. Sát na đầu tiên vừa nhập vào trụ này, toàn bộ phước trí, tất cả oai lực đã hơn gấp một lần các trụ trước. Sát na thứ hai thì gấp hai lần, đến mãn mười địa, nối tiếp tăng trưởng, nói không thể hết.

11. Trụ Vô ngại giải: Tức là địa thứ chín. Do trước ở trụ thâm diệu không sinh mừng đủ, lại với tính trí thù thắng, ưa thích tùy nhập, khởi trí gia hạnh, tuyên thuyết các pháp, nói pháp và những việc mình làm đều biết như thật, thành đại pháp sư, đủ cả vô ngại giải. Đa phần là làm vua cõi Trời tinh lục thứ hai.

12. Trụ Bồ-tát Tối thượng thành mãn: Tức là địa thứ mười. Vô ngại giải nêu trên đã thanh tịnh khắp rồi mới thành pháp vương, thọ pháp quán đảnh, đắc vô lượng đẳng trì như ly cấu,... làm những việc Phật đã làm, đắc tất cả pháp toà, tương xứng của Phật, đắc đại quang minh, chứng pháp tạo lợi lạc hữu tình, diệu trí hành Phật sự, đạt được vô lượng Đà la ni môn giải thoát, vô lượng công đức thần thông, đại niệm,... Đa phần là làm vua đại tự tại cõi Trời Sắc cứu cánh. Đạo Bồ-tát viên mãn, đủ cả tư lương, từ vắng mây lớn Phật, lãnh được trận mưa pháp rộng lớn vi diệu tự như mây lớn, đồng hiện đẳng giác, tuôn khắp mưa pháp, lắng dịu bụi trần, khiến lúa mạ thiện, sinh trưởng kết hạt.

Các công đức tu chứng được, các thứ được đoạn dứt trong mỗi một trụ, chẳng phải là các trụ khác không có, nhưng dựa vào sự viên mãn của mỗi một công đức mà kiến lập riêng từng trụ một.

Trú Thắng giải hành thì hưởng đến vô tướng mà tu những điều mình làm, phạm vi còn nhỏ hẹp, còn thiếu sót, bất định. Sáu trụ tiếp theo là đạt được tu vô tướng, những điều làm, phạm vi đã rộng lớn, không thiếu sót, đạt quyết định. Bốn trụ sau thì viên chứng thanh tịnh, thọ nhận quả tu, những điều đã làm là vô lượng.

Trụ Thắng giải hành là tín tâm thứ sáu. Tín sinh ra bất thối, không đoạn thiện căn, mười trụ tâm thứ bảy, ở ngôi vị bất thối, không hành Nhị thừa, đến cực hỷ trụ thì những điều mình chứng được là bất thối, mãi mãi không bao giờ quên mất. Đến vô tướng trụ vô công dụng, tu hành bất thối, tự nhiên tiến tu, đều cầu chủng trí, rộng hành lợi lạc. Vì vậy mà giữ lại hoặc để trợ giúp cho nguyện thọ sinh, do đó không nói đoạn tướng phiền não. Sinh có năm loại:

1. Trừ tai sinh: Do nguyên tự tại, làm cá lớn để cứu những người đói khổ, làm đại y dược để cứu các người bệnh khổ, làm đại thiện xảo để khéo giảng hòa chiến tranh, làm đại quốc vương, như pháp dập tắt mọi nổi khổ, làm đại thiên thần, để đoạn dứt hành tà kiến. Làm lửa, làm nước, làm xe, làm thuyền, làm nhiều loại vật, để dứt trừ tai họa.

2. Tùy loại sinh: Dùng lực nguyên tự tại, sinh ra trong các loài nơi cõi ác như bàng sinh,... chúng hành ác nhưng mình không hành. Chúng không hành thiện nhưng mình lại hành thiện, như vào quán rượu mà vẫn lập được ý chí. Vào các quán dâm mà chỉ bày tội lỗi của dục. Vì họ mà thuyết giảng chánh pháp để trừ bỏ lỗi lầm kia.

3. Đại thế sinh: Bẩm tính khi sinh, thọ mạng hình dáng, giòng họ, phú quý đều thù thắng nhất, có thể trừ bỏ các lỗi lầm khinh mạn của chúng sanh.

4. Tăng thượng sinh: Thọ nhận quả mười vua, tự tại hóa độ dẫn dắt, tùy chỗ mà ứng sinh.

5. Tối hậu sinh: Tư lương trong kiếp sống này đã viên mãn hoàn toàn. Như Bồ-tát Từ Thị, sinh ra trong giòng họ Bà-la-môn, nơi nhà của đại quốc sư. Như Phật Thích Ca sinh trong nhà đại quốc vương, dòng Sát đế lợi, có thể hiện bày đẳng giác, làm các Phật sự.

Lại còn dùng bốn tướng để thâm nhận hữu tình

1. Đốn phổ (tức thì hiện khắp): Ở ngôi vị mới phát tâm, thâm nhận khắp tức thì tất cả hữu tình đều làm quyến thuộc, tùy lực tạo lợi ích.

2. Tăng thượng: Nếu làm gia chủ, khuyên biết ơn tuệ, hiếu dưỡng cha mẹ, tùy thời cung cấp cho vợ, con,... không bức bách tôi tớ, nô bộc, lại có thể nhẫn chịu được. Với những người bệnh, dùng ái ngữ để an ủi, giống như thân của mình, không có tướng khinh chê. Nếu làm quốc vương, không dùng hình phạt đao gậy, dùng pháp lý mà giáo hóa, dùng tài lợi để tạo lợi ích, dựa vào ruộng đất của nước mình để tự nuôi sống, không đi xâm đoạt nước khác. Xem chúng sinh như cha như con, lời nói thành thật, không dối trá, khuyên bỏ các ác, dạy tu các thiện.

3. Nhiếp thủ (thâu giữ): Bình đẳng không thiên lệch, làm việc không màng danh lợi, không nhiễm, thâm nhận đồ chúng, với tự nghĩa lợi, tu tập chánh giáo, gia hạnh không tà.

4. Tùy thời: Các loài hữu tình có phẩm hạ, phẩm trung, phẩm thượng, có thời gian dài ngắn khác nhau mới tính được, vì vậy tùy chỗ ứng hợp thành thực mà hành thâm nhận.

Mười ba trụ này, gồm thâu trong bảy địa: 1. Địa Chứng tính; 2. Địa Thắng giải hạnh; 3. Địa Tịnh thắng ý lạc. Ba Địa này tức là ba trụ đầu;

4. Địa Hành chánh hạnh: Tức là sáu trụ tiếp theo; 5. Địa Quyết định: Tức là trụ thứ mười, quyết định ở trong địa thứ ba; 6. Địa Quyết định hạnh. Tức là trụ thứ mười một. Địa Đáo cứu cánh: Tức trụ thứ mười hai, mười ba, do trong cả hai, nhân và quả đều là cứu cánh.

Các hạnh Bồ-tát đã nói trên, tuy có vô lượng, nhưng chỉ bao gồm trong bốn loại: 1. Hạnh Ba-la-mật-đa: là sáu độ, mười độ; 2. Hạnh Bồ-đề phần: là tất cả diệu hạnh thuộc ba mươi bảy phẩm, bốn tâm tư; 3. Hạnh Thần thông: Tức sáu thần thông; 4. Hạnh Thành thực hữu tình: Tức là cảnh giới điều phục, vô lượng cảnh giới điều phục phương tiện.

Như trên đã nói về đối tượng học xứ, hoặc đối tượng học pháp, hay chủ thể tu học đều là hạnh Bồ-tát. Nhiệt tâm dũng mãnh, dựa theo trên mà tu học, không thấy tướng của hành, đó gọi là hành.

Pháp được hành đó sao gọi là sâu? Người thắng không nói: Diệu lý sâu xa huyền vi, không thể nghĩ bàn, Nhị thừa không hiểu nổi, phàm phu thì không lường nổi, nên gọi là sâu xa.

Người như ứng nói: trí và cảnh thuộc chân, vượt ra ngoài lời nói và suy nghĩ, không thể dùng ví dụ để tỏ, vi diệu khó biết. Có đủ cả ba vô thượng, bảy đại tính, thể nghiệp lợi lạc, tất cả đều thù thắng, biến khơi bạch pháp, suốt ao diệu bảo, chỉ tương xứng với đại Bồ-đề là chủ pháp giới, cho nên pháp tu học đều gọi là sâu xa, phải siêng năng tu chứng. Hoặc là tất cả các hạnh Bồ-tát đó, là chân như, thật tướng khó có thể viên chứng, trí tuệ quán chiếu rất khó đạt được, văn tự giảng giải khó có thể tỏ ngộ, vạn hạnh quyền thuộc khó có thể thành tựu. Cảnh giới có và không khó có thể thông đạt, dùng tuệ làm đầu, tính và tư lượng khác đều gọi là Bát-nhã, vì vậy nên gọi là sâu xa.

Sao gọi là Thời? Người thắng không nói. Nếu theo thế tục thì: Tín học tu chứng, cầu chiếu đạt không. Nếu theo thắng nghĩa thì: Ngộ pháp, thể không, tu hành Bát-nhã. Sự việc và cứu cánh gọi chung là Thời.

Người như ứng nói: Bồ-đề Vô thượng, rộng lớn sâu xa, phải tích chứa nhiều nhân mới có thể chứng đắc. Trong phần nói về mười ba trụ ở trên, nếu tính theo thời gian ngày đêm, trong mỗi một trụ phải trải qua nhiều câu chi trăm ngàn đại kiếp, hoặc vượt quá số lượng ấy mới chứng mới mãn. Nếu lấy đại kiếp để chỉ cho số lượng vượt quá tất cả số lượng thì phải trải qua ba vô số đại kiếp mới viên mãn đắc chứng. Trải vô số đại kiếp thứ nhất, tu một hạnh trong một hạnh mà chứng trụ cực hỷ. Trải qua vô số đại kiếp thứ hai, tu tất cả hạnh trong một hạnh mà chứng vô tướng trụ vô công dụng, nhờ ý lạc tịnh, quyết định dũng mãnh. Sau cùng, trải qua vô số đại kiếp thứ ba, tu tất cả hạnh trong tất cả hạnh

chứng trụ Như Lai. Đó là thường tinh tiến, nếu không tinh tiến thì chẳng phải vậy. Nếu dũng mãnh thì hoặc có thể chuyển nhiều trong kiếp hoặc nhiều đại kiếp, chắc chắn không chuyển vô số đại kiếp. Vì vậy mà biết, ở ngôi vị nhân phải trải qua ba vô số đại kiếp tu hành viên mãn mới chứng Bồ-đề, năm loại Bỉ ngạn đều có thể đến (đáo). Ý trên là nói, tu năm Bát-nhã, ba kiếp phần vị hoặc là tùy tự tâm, biến làm phần hạn, từ đầu đến cuối cùng của một sự việc gọi chung đó là Thời. Nếu đạt thời là không thì chỉ có trí chứng. Đã tu học vị thì gồm thâu cả những thứ khác. Hàng Độc giác lợi căn hãy còn phải trải qua trăm kiếp, huống nữa là cầu được làm Phật mà không trải nhiều kiếp tạo nhân.

Kinh: *Chiếu thấy năm uẩn đều không (chiếu thấy năm uẩn đều không)*

Tán: Đây là hiển bày do nhờ hành nơi Bát-nhã sâu xa mà đắc tuệ nhãn chân chính. Đạt không gọi là chiếu. Nghĩa là các pháp hữu vi như sắc, thọ, tưởng,... đều có ba đời (thời gian), nội, ngoại, thô, tế, hơn, kém, gần xa. Tích tụ gọi là uẩn, gồm có năm là: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. “Đẳng” là vân vân... là các pháp như thủ, xứ,....

Người thắng không nói: Trước đã phá chấp năng quán, để hiển bày năng quán là không. Nay ở đây là phá chấp sở quán, để làm rõ sở quán là không. Nếu bị si che lấp, mê mờ thắng nghĩa lý, thì đối với các uẩn, vọng chấp là có. Như người ở trong mộng thấy cảnh hiện tiền trước mắt. Nếu biết rõ đúng về lý của thắng nghĩa đế thì không sinh chấp trước, như khi tỉnh mộng, hiểu cảnh là chẳng có. Vì vậy mà thực hành Bát-nhã liền chiếu tính không.

Người như ứng nói: Tuy tu tất cả, đều hành Bát-nhã nhưng chứng chân bỏ vọng, do tuệ chiếu không, nên nói riêng.

Chữ “không” được nói ở đây là ba vô tính. Nghĩa là kể sở chấp về bản thể phi hữu, tướng, vô tự tính, do đó gọi là không. Vì các thứ đều y tha khởi: Sắc thì như bọt nước tụ, thọ dụ như bọt nổi, tưởng thì như dợn nắng, hành giống như cây chuối, thức giống với huyễn sự, không như chỗ chấp là tính tự nhiên sinh tính, cho nên cũng gọi là không. Tính Viên thành thật, nhờ quán sở chấp kia là rỗng không không có mối chứng. Hoặc là không có, như chơn tính kia đã chấp, vì vậy thắng nghĩa đích thực còn được gọi là không. Thật ra thì cả ba tính đều là phi không, phi bất không, vì để phá bỏ chấp có mà mật nói là không, chẳng phải hai tính sau đều không có mà gọi là không. Thuyết tất cả là không, đó là mật ý của Phật. Đối với có và không đều nói chung là không. Như Thế Tôn thuyết rằng:

*Thắng nghĩa tướng sinh không tự tính
Như vậy ta đều đã hiển thị
Nếu không biết mật ý Phật đó
Hoại mất chánh đạo, không thể đến.*

Lại nữa, “không” đó là lý của chân như. Tính thì chẳng phải không, chẳng phải có, nhân nơi không mà hiển bày, để ngăn chặn chấp có nên giả gọi là không. Hàng ngu phu không biết, chấp năm uẩn định lìa là chân có, khởi tướng phân biệt. Nay ở đây quy về bốn thể tức là chân như. Vì sự mà lìa lý thì chẳng có tính riêng. Do vậy, kinh nói: “Tất cả hữu tình đều là Như Lai tạng. Tất cả các pháp đều là chân như”. Nói: “Sự hữu tướng tức là không vô tướng”. Khiến các hữu tình đoạn dứt sự trôi buộc do các tướng.

Nhãn có năm loại:

1. Nhục nhãn: sắc do đại thanh tịnh tạo, chẳng do định sinh ra.
2. Thiên nhãn: Đại tạo tịnh sắc, do định khởi.
3. Tuệ nhãn: là trí chiếu lý không.
4. Pháp nhãn: là thông đạt giáo có tuệ.

5. Phật nhãn: là bốn giác trên đã viên mãn, được gọi chung là Phật. Nay ở đây là vị nhân, tuệ nhãn đạt không, chiếu quán rõ ràng, vì vậy mà nói là “chiếu thấy”. Nhưng tính không này, là lắng nghe (văn) tư duy (tư) trong vị Tư lương, thường chỉ là tín, giải. Ở tại vị gia hạnh mới thuần là tu quán. Tuy đều gọi là chiếu, nhưng còn vướng tướng, chưa chứng chân. Khởi quán vô lậu trụ trong mười địa, thông đạt lý chân mới thật là chiếu không. Đến vị Như Lai thì chiếu kiến mới viên mãn, biết lìa ngôn cảnh, giả gọi là không. Tuy chữ không này là nói chung cả ngã và pháp không nhưng đây dạy cho Xá-lợi-tử chỉ nói về pháp không. Vì Xá-lợi-tử từ lâu không còn chấp ngã, nên không nói ngã không. Lại nữa, chấp ngã nương theo chấp pháp mà sinh. Chỉ cần quán pháp không thì ngã theo đó mà không. “Không” được nói ở đây, tuy thể không khác, nhưng theo sự mà nói thì cũng có sai biệt. Như trong đại kinh (kinh Đại phẩm) hoặc nói có mười sáu không: Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Đại không, Không không, Thắng nghĩa không, Hữu vi không, Vô vi không, Tất cánh không, Vô tế không, Vô tán không, Bốn tính không, Tướng không, Nhất thiết pháp không, Vô tính không, Vô tính tự tính không. Hoặc là có mười bảy không, thêm vô sở đắc không. Hoặc nói là mười tám không là thêm tự tính không. Hoặc có mười chín không, là thêm Sở duyên tăng thượng cập hồ vô không. Hoặc nói hai mươi không tức là trong mười tám không chia vô tán không thành là vô

biến dị không và tán không, chia tướng không thành là tự tướng không và cộng tướng không. Tụng nêu:

*Năng thực và sở thực
 Đây nương thân mà trụ
 Thấy được như lý ấy
 Chỗ cầu nhị đế không
 Vì thường ích hữu tình
 Vì không bỏ sanh tử
 Để thiện vô cùng tận
 Nên quán đó là không
 Để chứng tánh thanh tịnh
 Vì được các tướng hảo
 Để định các pháp Phật
 Nên Bồ-tát quán không
 Pháp Bồ đặc già la
 Thật tính đều phi hữu
 Vô tính, hữu tính đó
 Nên lập riêng hai không*

Kinh: *Độ nhất thiết khổ ách*

Tán: Người thắng không nói: Trên đây là lược nói về phá hai chấp, hiển cả hai không, vượt qua được các khổ. Đã chiếu tính không, liả các phân biệt, như chim ra khỏi lồng, mãi mãi thoát khỏi sự trói buộc, liền vượt qua khổ ách, mau chứng Niết-bàn. Theo thắng nghĩa thì không có vượt qua, không có đạt đến, nhưng theo Thế tục thì có vượt qua, có đạt đến.

Người như ứng nói: Do chiếu tính không mà vượt qua sanh tử, là hiển bày về ích lợi trước tiên của sự tu tập, là tâm mài luyện thứ ba. Nghĩa là, quán chuyển y thâm diệu khó chứng, nếu sinh tâm thối lui thì phải mài luyện tâm. Hữu tình ở thế gian, thực hành các hạnh bố thí thô sơ, khi mạng chung còn chiêu cảm được quả thù thắng, huống nữa là ta nay tu không chướng diệu thiện, sau này chẳng chứng được chuyển y vượt qua khổ hay sao? Như Bồ-tát kia đã thực hành tuệ mà vượt qua khổ ách, xả bỏ chỗ nương thô nặng, đắc cái không thô nặng, ta cũng nên làm như vậy, tự khuyến khích rồi tăng tu, không nên tự xem thường mình, sinh ra tự thối lui, khuất phục. “Độ”: nghĩa là vượt qua, thoát khỏi. “Khổ”: là hữu tình của ba cõi và xứ, tức là những phiền não của nghiệp sinh ra và khởi lên. Theo lý thật thì tất cả hữu lậu đều là khổ. Ở đây có ba loại: Các pháp hữu lậu đều mang tính chất đời đời, bức bách,

bất an, đều gọi là hành khổ. Các thú vui ở thế gian, cuối cùng rồi cũng quay về với sự hủy diệt, duyên hợp khiến kéo theo sự lo âu đều gọi là hoại khổ. Tính đã bị bức bách, càng tăng thêm sự khổ sở, khó chịu đựng nổi, gọi là Khổ khổ. Chử khổ này có nghĩa là tai ách, tai nạn. Hoặc có tám loại khổ: Trụ thai và xuất thai (khi còn ở bào thai và khi sinh ra) đều bị bức bách, là gốc của các Khổ, gọi là sinh khổ. Suy yếu hư hoại theo thời gian gọi là lão khổ. Đại chủng suy kém, biến đổi, gọi bệnh khổ. Tuổi thọ tàn diệt gọi là tử khổ. Không thích mà lại ở ngay trước mắt, gọi là oán tắng hội khổ (oán ghét mà gặp nhau, khổ). Điều mình yêu thích lại bị lìa xa, gọi là Ái biệt ly khổ (yêu thương mà bị lìa biệt, khổ). Những thứ mình mong cầu lại không toại ý, gọi là cầu bất đắc khổ (cầu không được, khổ). Hành và danh thuộc hữu lậu, gồm sáu tất cả năm thủ uẩn là khổ.

“Ách”: Nghĩa là tám nạn và các điều nguy hiểm, sợ hãi, như tiểu tam tai,... do chưa chiếu không, bị trói buộc nơi tướng của cảnh làm cho tâm khởi lên sự phân biệt, phát khởi phiền não của nghiệp khổ sinh ra trong năm cõi. Khi đã thấy rõ ba loại vô tính là không, hoặc là chiếu các uẩn tức chân như không thì phân biệt không còn sinh ra, quả ác theo đó mà diệt, vì vậy thoát khỏi các khổ ách, như có tụng nói:

*Tướng buộc, buộc chúng sanh
Cũng do thô trọng buộc
Khéo song tu chỉ, quán
Mới là đều giải thoát.*

Thật ra thì chiếu không còn vượt qua được hoặc nghiệp, thể rộng lớn, quả hiện rõ, nên chỉ nói là khổ. Tức vượt qua tướng của không đó là chiếu soi vẫn, tư trong ngôi vị tư lương. Từ tâm thứ sáu trong ngôi vị mười tâm đầu tiên, thì tâm tứ bất thối, thiện căn bất đoạn, liền mãi mãi hàng phục, vượt thoát khổ ách cực nặng. Vì vậy tụng trong kinh nói:

*Nếu thế gian có thành
Phẩm chánh kiến tăng thượng
Tuy trải qua ngàn đời
Trọn không đọa cõi ác*

Sau khi đạt đến trụ thứ tư trong mười trú thì các vô minh thô nặng đều không hiện hành nữa, mới có thể hàng phục, độ thoát khổ ách ở cõi ác. Trụ sinh quý nói: là trừ diệt phiền não, hết hẳn không sót, xả bỏ sinh tử, ra khỏi tam giới. Kinh Duyên Khởi nói: Ngoại đạo dị sinh nơi các hành đều lấy bốn ngu làm duyên. Nội pháp dị sinh, nếu người phóng dật thì hành phước và bất động, lấy ba ngu làm duyên. Các hành vốn có

của người không phóng dật, ta không nói là lấy Vô minh làm duyên. Vì vậy mà biết là từ đó về sau lìa bỏ tất cả khổ ách của các cõi ác. Sau trụ thứ bảy thì càng bất thối, lìa bỏ tất cả các khổ ách của Nhị thừa. Đạt đến vị thông đạt, sau khi chứng chân không mới vĩnh viễn thoát khỏi tất cả các loại khổ ách trong ba cõi ác và tám xứ. Hoặc có người cũng có thể vĩnh viễn lìa bỏ phiền não sợ hãi nơi khổ ách phần đoạn trong tam giới. Có người, sau khi đạt đến địa thứ tám mới lìa bỏ được ách nạn đó, vì địa thứ bảy trở về trước còn lưu giữ lại phiền não, đến cuối địa thứ mười, chiếu “không” đạt viên mãn, tất cả chủng tử hữu lậu được trừ bỏ vĩnh viễn. Các ách khổ về biến dịch sanh tử đều hết, đến vị Như Lai là làm lợi lạc cho chúng sanh. Hoặc có lúc thị hiện chẳng phải thật như vậy, quán tự tại đó còn chưa thành Phật, do ở chiếu không nên sẽ trừ bỏ tất cả, khuyên bảo chỉ bày phát tâm nên nói là “vượt qua tất cả”.

Kinh: *(Xá-lợi-tử!)*

Tán: Người thắng không nói: Sinh nhờ pháp mà lập, pháp tức là nhân của sinh. Phần này nói rộng về sinh không, phần sau sẽ nói về pháp.

Người như ứng nói: Từ đoạn này là nói về sự cơ cảm, nói về lý, nêu ra thí dụ, chỉ bày thắng hạnh để trừ bốn xứ.

Đoạn này chia làm ba phần:

1. Từ “Xá-lợi-tử!...”: Nói chung về không.
2. Từ “thế nên,...”: kết riêng về đối tượng không.
3. Từ “do vô sở đắc nên,...”: Là giải thích về lý không.

Xá-lợi là tiếng Phạm, tiếng đời Đường gọi là Xuân thu, do mẹ có biện tài, lấy dụ mà đặt tên, hiển bày là do bà ấy sinh ra nên lại gọi là tử. Mẹ nhân có thể luận bàn nên con mượn làm tên. Thời nhỏ nghe ít hiểu nhiều, nhờ tri kiến mà ngộ nhập. Nay diễn bày tánh không, nên gọi tên ngài để làm dụ, chỉ nói về thắng giáo để gồm thâu pháp, hiển bày lý ấy đều không, riêng nói cho bậc thượng nhân, dùng để thâu tóm căn cơ, tức thì chúng cùng được bảo cho biết. Tuy nắm giữ việc báo cho biết nhưng chưa ngộ không, nên trước tiên là khuyên mài luyện, mới dứt trừ bốn xứ.

Kinh: *(Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc.)*

Tán: Nghĩa là: Bốn đại chủng và những thứ do bốn đại chủng đó tạo ra, tức là mười sắc xứ và sắc của pháp xứ, tính của chúng đều biến hiện, gọi chung là Sắc.

Người thắng không nói: Từ đoạn này là nói rộng về pháp không. Đại kinh nói: Nguyên do vì sao? Tự tính của sắc là không, chẳng phải do không nên có sắc không chẳng phải là sắc. Sắc chẳng lia không, không chẳng lia sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Đó là phá hai loại chấp. “Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc”: là phá cái chấp của thế gian cho ngoài sắc ấy còn có riêng cái chân không, chẳng tỏ ngộ chân không, chấp trước các sắc, vọng tăng thêm nghiệp hoặc, luân chuyển nơi sinh tử. Nay nói rõ là do bệnh mắt mà thấy hoa sắc, vì mắt bệnh nên thấy vậy, chẳng phải khác không là có dựa nơi thắng nghĩa thì sắc chẳng khác không. Như Thánh giáo nói: “Pháp do nhân duyên sinh, ta nói là không”.

“Sắc tức là không, không tức là sắc”: Là phá chấp của ngu phu, phải ở vị sắc không có mới bắt đầu có không, nên phân biệt thành nhiều thứ đối với sắc, đối với không. Nay làm rõ theo thắng nghĩa, sắc vốn tính không, do mê và ngộ nên thấy khác nhau nghĩa mà làm rõ không, sắc. Sao lại cho sắc diệt mất mới thấy là không. Như mắt đau thì thấy không hoa, tự tính của không hoa là chẳng phải có, há cần hoa diệt mất rồi mới thành không. Vì vậy, đối với sắc và không đừng sinh chấp trước, phải trừ bỏ đảo kiến, mới thấy Niết-bàn cứu cánh. Do hai câu này nên kinh nói: Tự tính của sắc là không, chẳng phải sắc diệt rồi mới không. Người như ứng nói: Nếu theo thắng nghĩa thì các pháp đều không, đều là không có. Đầu tiên tuy có thể như vậy, nhưng lý thì chưa chắc là thế. Chân và tục là so sánh nhau, tục không có thì chân cũng diệt. Sắc và không là đối đãi nhau sắc mà diệt thì không cũng mất. Vì vậy, chẳng phải thể của sắc xưa nay vốn không. Người thắng không nói: Thật ra không đó là phi không-bất không, lật ngược cái mê đối sắc, ngộ thì nói là sắc không, chẳng phải cái không nói đó tức nhất định là không, mà không đó cũng rộng không.

Người như ứng nói: Nếu theo nhân duyên, sắc tự nó vốn đều không, thì các người ngu cũng thành người trí, thế thì phàm và Thánh lẫn lộn, ai là thầy, ai là mê?.

Người thắng không nói: Phiền não thành giác phần, sinh tử tức Niết-bàn. Chi phần của trần lao là chủng tánh của Như Lai. Các chúng sanh xưa nay vắng lặng. Há chẳng phải ngu phu trước là kẻ trí?

Người như ứng nói: Nếu chấp nhận sự sắc có khác với lý không, thì có thể bỏ mê sắc mà cầu ngộ không đã gốc không là sắc, thì trí tức là ngu, cầu trí bỏ ngu, há chẳng phải là điên đảo? Vả lại, chán sinh tử, cầu Niết-bàn, khổ và lạc không khác, cầu ấy ích gì? Ngu phu sinh tử đã

đắc Niết-bàn. Bạc Thánh lại cầu, càng thành hư vọng.

Người thắng không nói: Mê ngộ sự tục, cầu thánh bỏ phàm, chân lý sắc không, sao thành lấy bỏ?

Người như ứng nói: Nếu chấp nhận sự là riêng biệt, thì cũng có thể nói tức không, cả hai đều có trong thắng nghĩa thì tự thành mâu thuẫn. Ứng với người chưa ngộ thì biết sắc tức không. Với người đã ngộ thì chẳng ngộ không sắc. Với bậc thánh tinh cần thì đáng thương xót, với kẻ ngu phu biếng trễ thì đáng vui mừng. Như đức Thế Tôn nói: Bồ-tát tùy thuận thông hợp nơi phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa như thế nào? Nếu các hữu tình không thể hiểu rõ những kinh điển nói về tính không mà đức Phật đã thuyết giảng, như tất cả pháp đều không có tự tính, đều không có sự, không sinh, không diệt, đều như huyễn mộng thì Bồ-tát vì họ mà hội thông như lý, nên bảo cho họ biết. Kinh này không nói tất cả pháp đều không có gì cả, mà chỉ nói tính của các pháp đều là không. Vì vậy mà nói các pháp đều không có tự tính. Tuy có tất cả ngôn thuyết về sự đều nương dựa ở đấy mà các ngôn thuyết chuyển, nhưng các tự tính có thể được nói ấy, theo thắng nghĩa để thì chẳng phải là tự tính của chúng. Cho nên nói các pháp đều vô sở hữu. Tự tính của tất cả pháp đã nói kia, theo lý thì từ xưa nay vốn đều không thì cái gì sẽ sinh, cái gì sẽ diệt. Vì vậy nói chư pháp không sinh, không diệt. Lại như huyễn mộng, chẳng hiển hiện như thật có, cũng chẳng phải tất cả hình chất của huyễn mộng đều là không có gì cả. Như vậy các pháp chẳng như ngu phu cho là thật có, do các thế lực hiện ra như thật là có. Cũng chẳng phải thắng nghĩa của tất cả pháp, tự tính lìa ngôn đều không có gì. Từ đó, ngộ nhập, tất cả các pháp chẳng phải là có chẳng phải là không, giống như huyễn mộng, tính chúng không hai, do vậy nên nói các pháp đều như huyễn mộng. Như thế, Bồ-tát đối với khắp tất cả các pháp nơi pháp giới, không giữ lấy một phần nhỏ nào, cũng không xả bỏ một phần nhỏ nào, không làm giảm hao, cũng không làm tăng ích, không có gì bị mất mát. Nếu pháp thật có, biết là thật có. Nếu pháp thật không có biết là thật không, có như vậy mà mở bày, chỉ dẫn. Đó gọi là Bồ-tát tùy thuận thông hợp nơi phương tiện thiện xảo. Ý của kinh này nói: Tất cả ngu phu như nói cái thật đã chấp là tự tánh của các pháp có thể diễn nói như thật mộng huyễn, đều không có tự tính, đều không có sự, không sinh, không diệt, không phải không có Thánh trí, xét kỹ cảnh chân tục thì pháp tính lìa ngôn, chẳng phải như huyễn mộng, có hình chất cũng có “thể” mà đều vô danh, vô tính,... Thấu đạt sở chấp rỗng không thì ngộ lý chẳng phải có. Đạt được Thánh cảnh có thì ngộ lý

chẳng phải không. Vì vậy mà nói: Bồ-tát không giữ lấy phần nhỏ nào, không xả bỏ phần nhỏ nào. không biết là có, không, biết là có. Nếu dựa nơi thảng nghĩa thì thể của pháp đều không không chút nào có. Hiểu chung như vậy, thì chẳng thiện xảo, xưng là ngộ lý chẳng phải không mà, chẳng xả bỏ một phần nhỏ nào còn uổng công bày vẽ, là làm tổn giảm, hư mất chánh lý. Do vậy mới biết, ý của kinh này trước phá chấp sắc có nên thuyết sắc không. Không tức không có, chẳng phải pháp tính không. Ngu phu lại chấp, cái tình sắc tướng hiện có, bốn tính chẳng phải có, hoặc là chấp chẳng phải không, và sắc diệt không có mới thành thể “không” mà thành hai đảo. Do vậy phải dứt bỏ cả hai chấp đó để hiển rõ sự và lý của sắc, chẳng phải như đã chấp, đừng khởi vọng tình, sinh kiến điên đảo. Vọng tình đã đoạn dứt, thì mất chỗ chấp về sắc. Vì vậy đoạn dứt y tha, trừ bỏ kế sở chấp, như bệnh mắt đã hết thì không còn thấy không hoa. Nhị thừa, ngoại đạo thì chấp thật có tác dụng, theo nhân duyên sinh pháp tính đều chẳng phải có. Vì vậy Thánh giáo nói : nhân duyên sinh các pháp, ta nói đều là không. Chẳng nói là cái sắc của y tha như huyền cũng đều không. Vì vậy có tụng nói:

Hư vọng phân biệt tính

Do nghĩa đó được đắc thành

Chẳng thật có, toàn không

Nên thuận diệt, giải thoát

Thánh giáo lại nói: Các pháp chẳng tự sinh, cũng chẳng từ tha sinh, cũng không từ cộng sinh, cũng chẳng từ cả hai sinh. Tuy không có chấp tác dụng theo nhân duyên, nhưng chấp có công năng duyên có thể đạt được, nếu chấp không có thì không có tục đế. Tục đế đã không có thì chân đế cũng không có. Thế thì nương vào ai, do ai mà đắc giải thoát? Hoặc không đó tức là pháp tính không. Hoặc chấp các sắc của biến kế sở chấp và các sắc của y tha là chắc chắn khác cái có thật, thì chân và tục riêng biệt, thế thì rất thành mê loạn. Nay ở đây tỏ rõ tính của cả hai sắc tức là không như, vô tướng, vô vi, chẳng phải là trí cảnh, phải xả bỏ cả hai chấp mà cầu đến chân không, nên thấu tóm quy về không song song dứt trừ vọng kiến. Thể sắc của pháp tính, tức chân tướng. Chẳng khác không tức không thì nghi hoặc còn gì. Đức Phật thuyết về hai đế, mỗi đế đều có mức độ cạn và sâu, so sánh lẫn nhau thì đều có chân tục. Có tục là tục của tục, có tục là chân của tục. Có chân là chân của chân. Có chân là tục của chân. Tức tục là tục của chân, chân cũng là chân của tục. Có tục, có chân, tục không thì chân diệt. Đã chẳng phải không có sắc mà riêng có không, thì cũng chẳng phải sắc không, mà

quyết định chẳng khác” không, tức không. Do vậy, chân không và sắc là chẳng phải khác chẳng phải không, chẳng phải phải tức, chẳng phải không tức. Nay ở đây, vì để ngăn chặn định chắc là khác v.v... nên chỉ nói là chẳng khác mà tức. Đây cũng là nói chẳng phải khác, chẳng phải chẳng tức.

Luận Biện Trung Biên nói:

*Không có hai có, không
Chẳng có cũng chẳng không
Chẳng khác cũng chẳng một
Đó nói là tướng không*

Nay nói về sắc không, hỗ tương nhau mà hiển bày khiến nghĩa càng rõ thêm, để phá trừ chấp nghi. Đoạn trước nói về quán tự tại, chỉ dạy mài luyện tâm. Đoạn này thuyết về sắc và không v.v... là để trừ bốn xứ:

1. Nhị thừa tác ý, thích chán hẹp hòi, nên không thích lợi tha.
 2. Ở trong Đại thừa, tìm cầu điền đảo và khởi nghi hoặc.
 3. Đối với văn, tư,... nói ta có khả năng như thế, tức có nhiều loại pháp chấp.
 4. Hiện tiền an lập, chấp trước, phân biệt về sắc cho đến Bồ-đề.
- Nay nói sắc v.v... “chẳng khác không”; “tức không “ khiến xả bỏ sự tác ý kém cõi của Nhị thừa,... thành tựu hạnh xuất thế, vô phân biệt.

Kinh: Thọ, tướng, hành, thức... diệt phục như vậy.

Tán: E họ nghi chấp cho chỉ có sắc mới không khác với không, chỉ có thể của sắc tức là không, còn các pháp khác thì không vậy, do đó mà kể ra thọ, tướng,... cũng như sắc.

Có thể lãnh nạp cảnh đầy khởi khổ, lạc, xả gọi là Thọ.

Có thể giữ lấy ở cảnh, có tướng, không tướng, lớn, nhỏ, vô lượng, không ít, với những sai biệt hiện có gọi là tướng.

Suy tư tạo phần vị thiện, ác, vô ký và các tâm sở chuyển trôi, gọi là hành.

Tâm, ý, thức, cả ba đều có thể phân biệt hiển bày đều gọi chung là thức. Nghĩa là bốn thức trụ và thức là chủ thể trụ. Như sắc mà lãnh hội, như lãnh hội mà biết, như biết mà làm, như làm mà hiểu, cho nên sắc, thọ,... theo thứ tự như vậy. Nhưng do thế tục chấp sự của ngã có năm thứ: Thân xác ta, đồ dùng của ta, lời ta nói, việc làm của ta, tự thể của ta. Nay tỏ rõ uẩn chỉ là công năng của pháp, không có tự tính thật, chẳng phải là ngã, ngã sở, chỉ nói năm uẩn không thêm không bớt, ngu phu không biết để phá ngã chấp, nên ở trong phi uẩn mà nói là uẩn, bèn

chấp là có. Vì vậy ở đây, để phá trừ chấp, nên nói là không. Nhị thập tụng Luận nói: Không có cái ngã hữu tình, chỉ có nhân của pháp. “Đẳng”: là cùng chọn lấy năm loại thiện xảo của xứ giới tiếp sau. Nhưng Đại kinh nói: Sắc không, cho đến Bồ-đề cũng không, dù có một pháp vượt quá Niết-bàn đi nữa, ta cũng nói chúng là như huyễn như hóa. Vì vậy, chữ “Đẳng” này là thu tóm chung cho tất cả mọi pháp. Người thắng không và như ứng, cả hai đều dựa theo đó mà giải thích. Đại kinh tiếp theo nói: thọ, tưởng, hành, thức, tự tính của chúng là không, không phải do không nên không. Cho đến nói rộng thì thọ, tưởng, hành, thức tức là không, không tức là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì đó chỉ là có danh, gọi là Bồ-đề, gọi là không. Ở đây chúng chỉ có danh, gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Kinh: *Xá-lợi-tử ! thị chư pháp không tướng bất sinh, bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. (Xá-lợi-tử! Tướng không của các pháp ấy không sinh, không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm*

Tán: Trước đã bảo cho biết thể của pháp là không. Nay bảo cho biết nghĩa của pháp là không.

“Các pháp ấy”: là các pháp sắc, thọ,... đối với không đã nói trên. Xưa không có nay có gọi là “sinh”. Tạm có rồi trở lại không gọi là “diệt”. Chướng nhiễm gọi là “cấu”, ngược lại với cấu gọi là “tịnh”. Tướng được mở rộng gọi là “Tăng”, ngược với tăng gọi là “giảm”. Người thắng không nói: Theo Thế tục đế thì có sắc, thọ,... có sinh, diệt,... Theo thắng nghĩa đế thì sắc, thọ,... vốn là không, làm sao trong không lại còn có sinh, diệt,... Vì vậy, tướng không của sinh, diệt,... đều là không.

Người như ứng nói: Trên Biến kế sở chấp và y tha pháp, tự nhiên sinh, bốn tính của chúng là rỗng không, không có. Pháp tính nơi sắc, thọ,... theo lý thể tức là không, đều không có như Nhị thừa đã chấp sinh v.v... có vị riêng. Cho nên nói là tướng không, không sinh không diệt,... Lại nữa, nếu có chấp hữu vi đời trôi thì chắc chắn có sinh có diệt. Với phần vi vô vi đang bị ràng buộc và vô vi xuất khỏi sự ràng buộc thì khác nhau, thật có cấu và tịnh. Ở ngôi vị chưa chứng chân và ngôi vị đã chứng chân thì hữu vi và vô vi cùng có sự tăng, giảm, mọi định chấp như vậy đều là sở chấp, cho nên thể và tướng đều là không có. Đâu thể như kia chấp hữu vi sinh diệt, vô vi cấu tịnh, cả hai chung tăng giảm ? như thấy dợn nắng chấp nước là thật, nước này vốn không, làm gì mà có sinh diệt ? cũng không phải không có dợn nắng mà tự như nước có sinh.

Có người hỏi. Nếu nhiếp về tánh, thì sắc... thuộc y tha đều tức không, như kia có sinh diệt thì không này cũng phải sinh diệt. Nay trả lời : Sắc trên bầu trời không, tuy có sinh diệt mà tướng không có sinh diệt. Như thế, Y tha tuy có sinh diệt mà chơn không không giống vậy. Lại hỏi: Nếu tất cả pháp đều tức chân không, thì tướng không ấy ở khắp trong tịnh tín... trong cấu nhiễm tham... giống như tướng ứng với cấu tịnh? đáp: Như trong hư không, sắc có nhiễm tịnh mà hư không, không giống vậy. Như vậy, tuy các pháp có cấu tịnh mà tướng không không có. Cho nên có tụng nói.

Như vậy, các pháp tuy có cấu và tịnh nhưng không có tướng thì không có cấu tịnh, vì vậy có tụng nói:

*Chẳng phải, chẳng không nhiễm
Chẳng tịnh chẳng không tịnh
Vì tâm tính vốn tịnh
Do khách trần làm nhiễm.*

Hoặc có người thắc mắc: Nếu pháp đều là chân không có tướng riêng khác thì cam lồ nơi Thánh giáo vốn có sự tăng giảm thì chân không cũng phải có sự tăng giảm như vậy?.

Nay theo nghĩa, đáp: Sắc tướng ở trong bầu trời có sự tăng giảm, nhưng tướng không thì không. Cũng vậy, Thánh giáo tuy có sự tăng giảm, nhưng tính không thì không có sự tăng giảm, đều do sự và lý, thể mà tướng riêng khác. Nếu tất cả pháp chỉ là chân như, không thì sao lại có các chuyện sinh và diệt?

Trên là nói chung: chẳng phải chỉ thể của Sắc “không khác không”, “tức không” mà các sai biệt sinh ra trên sắc, nghĩa cũng “không khác không”, “tức không”.

Đại kinh tiếp đó nói: Như vậy, tự tính là không sinh, không diệt, không nhiễm không tịnh. Khi Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa như vậy, thì không thấy sinh, diệt, không thấy nhiễm, tịnh. Vì sao? Vì chỉ là giả lập tên gọi là khách tách biệt từng pháp mà khởi phân biệt, theo đó khởi bày ngôn thuyết, cứ theo những lời như vậy mà sinh khởi chấp trước. Khi Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đối với tất cả những thứ như vậy đều không thấy, do không thấy nên không sinh ra chấp trước.

Kinh: *Thị cố, không trung vô sắc vô thọ tướng hành thức. (Do đây, trong không không có sắc, không có thọ, tướng, hành, thức).*

Tán: Người thắng không nói: Trên là dùng, nghĩa thể của sắc, thọ v.v... đối chung với không để làm rõ là “không khác” không “tức” không, e nghĩa không rõ, khiến quán thuận thực, mới kết luận riêng là

các pháp đều không có trong không. Theo những điều đã nêu trước để kết luận, nên nói là “Do đó”.

Người như ứng nói: Cả ba thừa đều tu chung cả năm loại thiện xảo: là Uẩn, Xứ, Giới, Duyên khởi và Đệ. Tùy theo sự ứng hợp với những thứ đó mà thành là quán xa và quán gần. Do Nhị thừa,... đều chấp có, nay để đối lại nên nói là không có. Cái không đã chấp, ấy nghĩa thể của nó đều vắng lặng, cho nên các uẩn sở chấp, tính của chúng đều là không có. Nhưng Phật phương tiện, ở trong hữu vi, giả bày là uẩn, để phá năm sự ngã, dần dần khiến nhập chân mà nói. Đó là thiện xảo, nói chẳng phải nói là thật có. Tụng của kinh nêu:

*Như sao, màng, đèn, huyễn.
Sương, bọt, mộng, chớp, mây
Các hòa hợp tạo thành
Nên tác quán như vậy.*

Pháp thuộc hữu vi hãy còn chẳng phải là uẩn nhất định, các uẩn sở chấp kia lý nào thành chân? Pháp tính không như, nên chẳng phải là tướng uẩn, do đó trong không, đều không có năm uẩn.

Đại kinh tiếp theo nói: Lại nữa, Xá-lợi-tử! Khi các Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nên quán như vậy: Bồ-tát chỉ có danh, Bát-nhã Ba-la-mật-đa chỉ có danh, Sắc, thọ, tưởng, hành, thức chỉ có danh cho đến nói rộng.

**Kinh: Vô nhãn nhĩ tĩ thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị xúc pháp:
Không có nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý. Không có sắc, thanh,
hương, vị, xúc, pháp.**

Tán viết: Đây là nói trong không, không có mười hai xứ.

Người thắng không nói: Phật phương tiện quyền biến, nói là có xứ,... để dẫn hội nhập chân, đã hội nhập chân rồi, dựa nơi nghĩa chân thật, mà nói là đều không.

Người như ứng nói: Chỉ do căn cảnh, cùng với sáu hành thành môn sinh trưởng, nói đó nghĩa là Xứ. Dùng sự thấy nhau hỏi han, hương thơm, ăn uống, tiếp xúc, phân biệt, ở thế gian mà Phật nói là Xứ, theo thứ tự như vậy. Cái dụng của nhãn và nhĩ thù thắng được gọi là thiên nhãn thông. Thiên nhĩ thông. Biến hóa chẳng phải chân chỉ ở Dục, Sắc giới. Các thức ở địa dưới có dựa nơi trên là Nghiệp, Duyên, Thông, Định, Pháp lực đều sinh.

Sắc: là Hiện rõ, hình dáng, biểu hiện.

Thanh: là giữ nhận, không giữ nhận, đều sinh ra do đại chủng.

Hương: là câu sinh, hòa hợp, biến dị.

Vị: là đắng, chua ngọt, cay, mặn, nhạt.

Xúc: là bốn đại và chỗ tạo của chúng.

Pháp: là sắc vô đối và tâm sở khác, bất tương ứng, vô vi.

Luận Nhị Thập Tụng nêu:

Nương kia mà hóa sinh

Thế Tôn mật ý sâu

Thuyết có các xứ sắc

Như hữu tình hóa sinh

Phật thuyết điều đó vì những người vọng. chấp có ngã, chìm đắm lâu trong sinh tử không chịu hưởng cầu không phải, trong pháp không xứ mà thuyết đó là xứ. Như để ngăn chặn đoạn kiến mật thuyết là hóa sinh, khiến hội nhập chân, trừ bỏ ngã chấp. Những người Nhị thừa không hiểu đó chỉ là phương tiện ngôn thuyết, chấp là thật có. Nay tỏ rõ tính của những sở chấp đều là không. Trong pháp nhân duyên đã chẳng phải là xứ thật. Pháp tính lý không cũng không có tướng của xứ. Theo nghĩa trên mà kết luận xứ là không có.

Đại kinh tiếp đó nói; nhãn xứ chỉ có danh, cho đến pháp xứ chỉ có danh. Nhãn xứ không, cho đến pháp xứ không.

Kinh: Vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới. Không nhãn giới cho đến không ý thức giới.

Tán: Đây là trong không, không có mười tám giới

Người thắng không nói: Nhãn giới, Sắc giới, Nhãn thức giới, Nhĩ giới, Thanh giới, Nhĩ thức giới, Tỷ giới, Hương giới, Tỷ thức giới, Thiệt giới, Vị giới, Thiệt thức giới, Thân giới, Xúc giới, Thân thức giới, Ý giới, Pháp giới, Ý thức giới gọi là mười tám giới. Nay nêu giới đầu cho đến giới cuối cùng đều là không có, theo thế tục thì nói là có, theo thắng nghĩa đều là không có, chỉ có tên gọi giả, vì tự tính là không.

Người như ứng nói: Do căn và cảnh có thể giữ lấy sáu thức. Chúng lại tự giữ lấy nghĩa của tính nhân quả, gọi đó là giới. Có thể giữ lấy cảnh là tướng của sáu nội giới. Đối tượng được chọn lấy là nhãn, nhĩ,... là tướng sáu ngoại giới. Nương căn duyên cảnh, tựa cảnh mà phân biệt hiểu rõ, là tướng sáu thức giới, trong đó ý giới tức là tâm, ý, thức.

Tâm là thức thứ tám, duy trì chủng tử, thọ nhận huân tập là thể của sinh nơi các cõi. Tính thiện, vô phú, có thể biến thân căn, khí thể giới làm thành chỗ nương của hữu tình, có ba:

1. Ngã ái chấp tạng vị danh: là A-lại-da, tiếng Hoa dịch là Tạng là nghĩa Năng tàng (chủ thể chứa giữ), Sở tàng (đối tượng được chứa giữ) chấp và sự chứa giữ.

2. Nghiệp quả thiện ác là Tỳ bá ca, tiếng Hoa gọi là dị thực, là chỗ chiêu tập của nghiệp thiện và bất thiện.

3. Chấp trì tương tục vị danh là A đà na, tiếng Hoa gọi là chấp trì. Vì nó có thể nắm giữ thân xác, làm cho thân xác không bị hư hoại. Ý là thức thứ bảy. Nhiệm chấp tương ngã, làm thành chỗ nương của hữu lậu. Tịnh thì thường bình đẳng. Tính thiện hữu phú, cũng có ba:

1. Ngã chấp tương ứng: Là Mạt na hữu phú, duyên theo A-lại-da mà chấp làm ngã.

2. Pháp chấp tương ứng vị danh: là Mạt na vô phú, duyên với Tỳ bá ca, chấp làm pháp.

3. Tư lượng tính vị: chỉ gọi là Mạt Na, duyên theo với A-đà-na,... dấy khởi suy tính lường xét. Chủ thể duyên và đối tượng duyên, dài ngắn bình đẳng vì vậy mà thức thứ bảy và thức thứ tám, mỗi thức đều có ba tên gọi. Hai danh gọi đầu đều là hữu lậu, tên gọi sau thì chung cho cả vô lậu.

Thức là sáu thức còn lại, như tên gọi riêng của chúng đều chung cả ba tính, đạt đến ngôi vị Phật thì chuyển thức dị thực, gọi là trí viên cảnh. Chín loại thí dụ về hình ảnh hiện ra trong đó. Tùy theo chỗ ứng hợp với địa thứ nhất, chuyển thức Mạt na, gọi là trí bình đẳng, vì có đủ mười loại tính bình đẳng. Ba thừa kiến vị chuyển thức thứ sáu, gọi là trí diệu quán, do tùy ứng đầy đủ cả mười thắng dụng. Chuyển năm thức trước, gọi là trí thành sự, khởi mười hóa nghiệp viên mãn bốn nguyện. Nhân thì hay phân biệt, lấy thức làm chủ. Quả thì đều quyết đoán, nêu trí làm danh. Tám thức trước này tức là bảy tâm giới. Bốn trí chỉ là thiện, đều cùng được gồm thâu trong pháp giới. Ba trí thì chiếu có và không, có đủ cả tục trí và chân trí. Trí thành sự thì chiếu có, chỉ có tục trí chẳng có chân trí. Trí Viên cảnh và trí bình đẳng thì thường không bị lay động. Bất đầu thường quán khắp thì gọi là nhất thiết trí. Trí diệu quán và trí thành sự có khi bị gián đoạn. Tuy cả bốn trí đó đều có đủ các đức, nhưng tùy theo tướng tăng mà dấy khởi thâu tóm bất định.

Kinh: Vô minh diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận. (Không Vô minh, cũng không Vô minh tận, cho đến không lão tử cũng không lão tử).

Tán: Người thắng không nói: Chữ không ở trước là quán xa, chữ không ở sau là quán gần. Chữ không đó là gần gũi với sở quán của Độc giác. Do vậy, kệ kinh nói: Vì những người cầu Độc giác mà đức Phật thuyết pháp mười hai duyên khởi. Lại nói: Vô minh,... cho đến lão tử chỉ

có giả danh vì tự tính của chúng là không, nên nay nói là không. “Tận” là rỗng không, cái không đó cũng rỗng không. Cho nên nói “không vô minh tận cho đến không lão tử tận”. Mười hai duyên khởi, có và không đều rỗng không. Liệt kê các thứ khác đều như vậy.

Người như ứng nói: Bồ-tát Từ Thị nói : Đây là đối với nhiễm, tịnh đều có thuận nghịch. Tạp nhiễm quán thuận thì nương theo pháp sinh tử lưu chuyển mà nói. Quán nghịch thì nương theo pháp gia hạnh ở thế gian mà nói. Thanh tịnh quán thuận thì nương theo pháp căn bản đoạn chướng mà nêu. Nghịch thì nương theo pháp trùng quán đã đoạn mà thuyết.

Tạp nhiễm quán thuận là: khởi đầu biết thể tính có đủ mười hai chi: 1. Vô Minh: là mê ngu nội ngoại; 2. Hành: là phước, phi phước, bất động. 3. Thức: là thức dị thực; 4. Danh sắc: là uẩn; 5. Lục xứ: là sáu căn; 6. Xúc: Có thể đối nơi chỗ hơn kém của cảnh; 7. Thọ: Lãnh nạp sự khổ, lạc của cảnh; 8. Ái: là tham nơi tam giới; 9. Thủ: là phiền não; 10. Hữu: Tức là hành đến thọ chủng tử của sáu chi, do ái, thủ làm nhuần thấm nên có thể tạo đời sau; 11. Sinh là quả khổ hiện khởi; 12. lão tử: là suy yếu, chết chóc.

Tiếp đó là quán do si nên phát khởi hạnh tà, tích tập quả thức theo nghiệp ở đương lai. Năm uẩn cùng khởi, các căn đầy đủ, xúc thọ nơi cảnh giới, chủng tử chiêu cảm quả, đấm chấp mong cầu, phiền não tăng trưởng, tăng thêm các nghiệp, theo đó mà bị các nỗi khổ, lo buồn, sinh, lão tử trong năm cõi. Do vậy, kệ kinh nói: Vô minh duyên Hành cho đến Sinh duyên lão tử, năm chi như thức nhân không có thứ tự, nương theo với lúc đang khởi mà làm hậu duyên.

Tạp nhiễm quán nghịch: là dựa theo vị tập ban đầu vị an lập để mà nói. Nghĩa là lão tử khổ, lão tử tập, lão tử diệt, lão tử hưởng tới diệt hành, cho đến tùy chỗ ứng hợp mà quán các đế. Từ chi lão tử gồm thâu trong khổ đế. Ở trong duyên khởi, trước tiên là quán sát nghịch dùng ba loại tướng mà quán chi lão tử: 1. Nhân duyên tế. 2. Nhân duyên thô. 3. Phi bất định. Nhân duyên cảm sinh gọi là tế, nghĩa là Ái, Thủ, Hữu. Tự thể sinh gọi là thô, nghĩa là chi sinh. Do hai sinh ấy mà có lão tử. Nhân của lão tử đương lai là sinh tế. Nhân của lão tử hiện pháp là sinh thô. Ngoài hai thể của sinh, còn lại quyết định không có khả năng cho quả lão tử, gọi là phi Bất định. Tuy quán lão tử khổ đế, đến Ái ở hậu tế khổ cùng tập đế kia, vẫn chưa cho là đủ, bèn lại quán sát nhân duyên hậu tập nơi các khổ hiện tại, nghĩa là quán nghịch khắp Thọ, Xúc, Lục xứ, Danh sắc và Thức. Quán khổ vị lai sẽ là khổ đế, quán tập nhân kia, sẽ

là tập đế. Quán tập đế khổ ở đời vị lai do ai mà có, biết là sinh khởi do các tập ở trước kia, thức làm biên vực, hiện pháp có khổ. Đã biết sinh khởi từ các tập trước kia thì không còn quán nó vì sao mà có. Do thức, Danh sắc ví như bó lau, lần lượt cùng duyên với nhau mà không có tác giả. Cứ như vậy mà quán sát khổ và tập nơi mười chi đã xong. Tiếp đến là quán Diệt đế: Bắt đầu từ lão tử cho đến Vô minh, vì sao tất cả đều sẽ diệt tận. Nghĩa là, do không tạo Vô minh làm duyên cho nghiệp với hành, nên khổ đó mới diệt, tiếp đến còn phải tìm cầu chứng được đạo Diệt đó, nhớ lại xưa kia thầy đã truyền pháp duyên khởi, chánh kiến thế gian, niệm, trí hiện tiền, cứ quán như vậy nhiều lần, khiến kiến tăng trưởng, đó gọi là tạp nhiệm quán sát thuận nghịch.

Thanh tịnh quán thuận: là do trước đã tích tập tư lương chánh kiến. Nên có thể ở các đế, lần lượt đạt được Hữu học, Vô học, trí kiến thanh tịnh. Có thể đoạn trừ hẳn Vô minh và ái, các vô minh, xúc làm duyên sinh thọ, cũng lại theo đó mà đoạn, ở trong hiện pháp, chứng tuệ giải thoát. Thọ, tâm tương ưng, phiền não tham ái được lìa sự trói buộc mà chứng tâm giải thoát. Vì Vô minh đã đoạn dứt nên ứng sinh các hành, thức cho đến vô minh diệt nên hành diệt, cho đến Xúc diệt, nên thọ diệt. Thọ kia không sinh thì không có chỗ nào để khởi ái. Do vậy lại nói; Thọ diệt nên ái diệt, cho đến sâu than lo buồn đều diệt, duy chỉ có thức thanh tịnh tươi trắng trú nơi cảnh giới Niết-bàn hữu dư y, gọi là chứng đắc Niết-bàn hiện pháp. Sau đó, hữu lậu tận, trú chân thường tịch, gọi là cảnh giới Niết-bàn Vô dư y.

Thanh tịnh quán nghịch là; Đã đoạn diệt rồi trở lại quán sát ng- nghịch: do cái gì không có mà lão tử không có, do cái gì diệt mà lão tử diệt. Biết là do vô tác, chủng tử duyên sinh vô tác hai sinh hiện hành không có, nên lão tử không có, vô thường duyên sinh hai sinh diệt ho nên lão tự diệt. Cứ như vậy cho đến biết do duyên sinh vô tác phát khởi tùy miên triền ba Vô minh không, nên hành không, duyên sinh vô thường nơi ba Vô minh diệt, nên hành diệt. Đó gọi là thanh tịnh quán sát thuận nghịch.

Kinh: Vô khổ tập diệt đạo (Không khổ tập diệt đạo)

Tán viết: Người thắng ngôn nói: Trên là không có Độc giác quán gần. Đây là không có Thanh-văn quán gần, nên khế kinh nói: Vì những người cầu Thanh-văn mà thuyết pháp tương ưng Tứ đế. Lại nói: Tứ đế chỉ có giả danh vì tự tính của chúng là không. Nhưng trên bao gồm dưới đây cũng là cảnh khác. Ở trong duyên khởi, cũng tu quán đế, cho nên sau duyên khởi mới thuyết đế là không.

Người như ứng nói: kinh Thắng Man thuyết: An lập bốn Thánh đế, phi an lập, bốn Thánh đế. Tám Thánh đế như vậy, hàng Nhị thừa chẳng biết được. Phần đoạn sinh tử gọi là khổ. Phiền não và nghiệp hữu lậu gọi là tập. Trách diệt gọi là diệt. Phẩm trí của sanh không gọi là đạo. Tho hiển lộ ra, kẻ trí cạn biết được gọi là an lập đế; sinh tử biến dịch gọi là khổ. Sở tri chướng và nghiệp vô lậu có phân biệt gọi là tập. Tự tính thanh tịnh nơi Niết-bàn vô trú gọi là Diệt, trí phẩm của pháp không gọi là đạo. Vì tế ẩn chìm khó biết chẳng phải là cảnh giới thô cạn, gọi là phi an lập đế, hợp lại mà nói thì hữu lậu bức bách đều là khổ. Chiêu cảm hữu sau gọi là tập. Cho nên pháp vô ký đều chẳng phải tập đế. Đó tức lược nói về quả nhân của sinh tử. Bốn loại Niết-bàn gọi là Diệt. Hữu vi vô lậu làm con đường chứng diệt gọi là đạo. Đó tức là lược nói về quả nhân xuất thế. Cũng như người thầy thuốc chữa bệnh, biết nguyên nhân của bệnh, cách chữa bệnh lành. Quán sinh tử khổ, nguyên nhân khổ, khổ diệt, cách thức diệt cũng như vậy, chỉ có bậc thánh mới biết thật, gọi là thánh đế. Hoặc là tùy theo sự quán sát cả hai không, chân như không tác quán riêng gọi là phi an lập. Quán xa về tứ đế mỗi đế đều có bốn hành, nghĩa là Vô thường, khổ, không vô ngã. Nhân, Tập, Sinh, Duyên. Diệt, Tĩnh, Diệu, Ly. Đạo, Như, Hành, Xuất. Do hành của khổ đế mà trừ dứt được bốn điên đảo, nên có chung riêng mà nhập vào môn chân. Quán gia hạnh gần không chỉ quán khổ, vì phải quán phi an lập mới nhập được nẻo chân. Ở trong phi khổ v.v... Phật thuyết giảng là khổ,... Các hạng Thanh-văn không hiểu nên vương mắc theo lời. Nay ở đây để phá chấp ấy nên thuyết là không. Y tha nhất định chẳng phải các tướng khổ, tập,... chân lý thì đâu có những sai biệt đó. Do vậy đều là không. Vì thế, địa thứ năm tuy tác quán ấy, nhưng còn chấp các tướng thô có thật nhiễm, tịnh. Trong địa thứ sáu mới trừ chướng về nhiễm tịnh. Nhiễm là hữu lậu tức ở đây không có hai đế khổ và tập. Tịnh là vô lậu, tức ở đây không có hai đế diệt và đạo.

Kinh: Vô trí diệt vô đắc (Không Trí Cũng Không Đắc)

Tán viết: Người thắng không nói: Trên là tỏ rõ không có quán gần thuộc Thanh-văn. Đây là hiển bày không có quán gần của Bồ-tát. Chủ thể chứng đạo gọi là “Trí”. Cảnh sở chứng gọi là “Đắc”. Có trí năng chứng thì có thể có sở đắc. Trí chứng chẳng phải thì có sở đắc cũng không. Như kệ kinh nói: đức Phật vì những người cầu Bồ-tát mà thuyết giảng tương ứng pháp sáu Ba-la-mật-đa. Ở đây chỉ nói không trí, không đắc là nói chung. Nếu pháp chẳng phải không thì đầu tiên có sở hành, sau đó mới có đắc. Pháp đã là chẳng phải có thì đầu tiên đã không có

sở hành, thì sau đó làm sao có đắc. Cho nên Đại kinh nói: Tất cả trí không, cho đến Bồ-đề Vô thượng cũng không.

Người như ứng nói: Bồ-tát quán đích thật, chỉ là phi an lập, nên gọi chung là gần cũng không có trí, đắc. Như có tụng nói:

Dựa thức hữu sở đắc

Cảnh vô sở đắc sinh

Dựa cảnh vô sở đắc

Thức vô sở đắc sinh

Vô phân biệt, trí chứng vị chân như, tâm và cảnh ngấm hợp sâu xa, bình đẳng với cái bình đẳng. Năng thủ và sở thủ, tất cả đều không. Trong hậu đắc trí, là sự trói buộc của tướng, không có cái chấp hư vọng, cũng lìa hai thủ kia. Lại có tụng nói:

Do thức tính hữu đắc

Cũng thành vô sở đắc

Nên biết hai hữu đắc

Tính vô đắc bình đẳng

Các thứ chấp về chủng ở các vị khác còn chưa đoạn dứt nên quán không được rõ ràng, nghĩa là có năng thủ và sở thủ. Vì để phá trừ chấp thật có năng thủ nên nói là “không trí”. Vì để phá trừ chấp thật có sở thủ mà nói là “không đắc”.

Lại nữa, đối với cả hai pháp đều nhằm ngăn chặn cả hai thủ. Ngăn chặn riêng hai thủ nên nói là không đắc, năng đắc và sở đắc: Để ngăn chặn cái có diệu dụng mà nói là không trí, vì soi chiếu đoạn chủ thể. Giải thích đó đều là trừ bỏ biến kế sở chấp, huyễn sự y tha chẳng phải chắc chắn là trí, đắc. Chân như thể tịch đều không có cả hai tướng. Vì vậy, nương vào ba tính đều thuyết là không. Chẳng phải là chân trí sinh thì tất cả chẳng phải có. Thuyết trí và xứ của trí đều gọi là Bát-nhã vì chân không có tướng không có tướng thủ và chẳng thủ.

Kinh: *Do Vô Sở Đắc (do không có gì đạt được)*

Tán viết: Người thắng không nói: Phần trước đã nêu: Do đây trong không, không có sắc,... là kết thành câu “Sắc chẳng khác không, không sinh diệt,...” ở trên, nhưng chưa giải thích nguyên do các sắc,... không có. Nay làm rõ nguyên do trong không không có pháp. Nếu ở trong sắc,... thể có một ít là có thì thắng nghĩa, phải có một ít sở đắc nhưng vì đều là vô đắc, cho nên vốn là không. Như Đại kinh nói: Vì tự tính không cho nên tất cả đều không.

Người như ứng nói: Luận Biện Trung biên nêu: Bồ-tát chánh tu mười quán thiện xảo: 1. Uẩn; 2. Xứ; 3. Giới; 4. Duyên khởi; 5. Xứ phi

xứ; 6. Căn; 7. Thế; 8. Đế; 9. Thừa; 10. Hữu vi vô vi. Do cụ thọ Xá-lợi-tử tiêm ngộ Đại thừa, nên ở đây đều không có ba thừa với sáu loại: chung, riêng, gần, xa, gia hạnh, căn bản. Hai vị quán chân, chứng sự lý của pháp, sáu tướng nơi chỗ chấp đều vô sở hữu. Y tha và viên thành chẳng định sáu tướng, vì vậy mà dùng “không đắc” để giải thích chung chữ “không” đã nêu trước. Như đại kinh nói: “Các pháp sắc, thọ v.v... là vô sở đắc, cho nên Bát-nhã thâm diệu cũng vô sở đắc”.

Kinh: *Bồ-đề tát đỏa y Bát-nhã-Ba-la-mật-đa cố tâm, vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly nhất thiết điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết-bàn (Bồ-Đề Tát Đỏa nương nơi Bát-Nhã Ba-La- Mật-Đa, nên tâm không chướng ngại, vì không chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa tất cả mộng tưởng điên đảo, về Niết-Bàn Cứu Cảnh).*

Tán: Người thắng không nói: Trên là phá hai chấp, rộng tỏ hai không. Sau là khen hai y, nói rõ được hai lợi. Đây là khen lợi ích nhân nơi nương theo nhân, đoạn dứt chướng nhiễm.

Chữ “Y” (nương vào) là tên gọi khác của chữ “hành” đã nói trước.

“Quái” là chướng. “khủng” là sợ. “Bố” là hãi, sợ hãi. Chưa nương vào tuệ để tỏ ngộ thì bị vướng mắc ở hữu, của sắc, thọ,... bị trói buộc trong các khổ, thường sinh sợ hãi, có hư vọng. điên đảo và mộng tưởng sinh tử, do vậy mà vui thích với cứu cánh Niết-bàn. Đã nương vào Bát-nhã, đạt sắc, thọ,... là không, thì không còn bị trói buộc, chướng ngại, nơi khổ, sợ, đảo, tưởng. Vì sắc, sinh tử tức Niết-bàn, thì cần gì phải mong cứu cánh viên tịch. Vì vậy, nương vào Bát-nhã thì xa lìa tất cả.

Người như ứng nói: Phần sau là tỏ rõ việc nương vào học đức, tán thán về chỗ đạt được thắng lợi lìa khổ chúng viên. Còn đây là tán thán về lợi ích, tu ở vị nhân của Bồ-tát. Bồ-tát thường xuyên, duyên với văn tự nêu giảng mà học khởi quán chiếu, xét quán thật tướng, làm quyến thuộc của sự tu trì, chẳng vọng tìm, biết tất cả cảnh giới, gọi là “nương nơi Bát-nhã”. “Quái”: nghĩa là phiền não chướng, chẳng đắc Niết-bàn. “Ngại” nghĩa là sở tri chướng, chẳng đắc Bồ-đề. Hoặc quái tức là ngại, đều chung cả hai chướng. “khủng bố” là năm thứ sợ hãi: 1. Sợ không sống: Do phân biệt ngã trợ giúp mạng sống mà ái khởi nên sợ; 2. Sợ tiếng xấu: Vì hành không tạo lợi ích, có hy vọng khởi; 3. Sợ chết: Do có ngã thấy mất hoại mà khởi tưởng sợ; 4. Sợ cõi ác: do không gặp chư Phật nên khởi các nghiệp ác; 5. Sợ chúng động.

“Điên đảo”: là bảy đảo: 1. Tướng; 2. Kiến; 3. Tâm; 4. Vô thường cho là thường; 5. Khổ cho là lạc; 6. Với bất tịnh cho là tịnh; 7. Vô ngã

cho là ngã. Bốn loại phân biệt vọng tưởng sau gọi là “tưởng đảo”. Nhẫn chịu, dục lạc, kiến lập, chấp trước gọi là “kiến đảo”. “Tâm đảo” là phiền não. Có ba loại: 1. Căn bản là ngu si; 2. Thể tính là một phần biên chấp kiến, giới cấm thủ, kiến thủ và tham, Tát-ca-da-kiến; 3. Đẳng lưu là các phiền não khác.

“Mộng tưởng” là chưa đạt trí giác chân chánh, thường ở trong mộng. Do vậy mà Phật nói là “Đêm dài sinh tử”. Mộng do tưởng khởi, nên gọi là mộng tưởng. Bấy đảo trên là do vọng tưởng sinh ra. Ở trong mộng mà hành nên gọi là mộng tưởng. Hoặc các đảo trên đều là nhân của sinh tử, còn mộng tưởng này là quả của sinh tử. Như ở trong mộng thường thấy cảnh thân, vì vậy nghiêng về quả mà nêu chữ mộng tưởng.

Tiếng Phạm gọi là “Niết-bàn”, tiếng đời Đường gọi là viên tịch, tức nghĩa là thể hiện bày khắp cả, tính an nhiên, vắng lặng. Tuy tính chân như là không hai, không khác, nhưng dựa theo duyên hết, chứng thì có bốn loại: 1. Niết-bàn tự tính thanh tịnh: Nghĩa là chân như thật tướng của tất cả pháp; 2. Niết-bàn Vô trú xứ: là chân như thanh tịnh khi xuất khỏi sở tri chướng, thường được hỗ trợ làm tăng trưởng do tuệ của đại bi; 3. Niết-bàn hữu dư y: là chân như được hiển rõ do tập đế tận; 4. Niết-bàn Vô dư y là chân như được hiển rõ do khổ đế tận.

Có kinh dựa theo loại Niết-bàn đầu mà nói, các phàm Thánh bình đẳng cùng có, tất cả hữu tình không sinh diệt v.v... nên xưa nay là Niết-bàn. Có kinh dựa theo loại Niết-bàn thứ hai mà nêu bày: chư Bồ-tát trụ nơi không có gì trụ và hạng Thanh-văn không đắc Niết-bàn. Có kinh thì dựa theo hai loại Niết-bàn sau mà nêu bày, người cả ba thừa cùng đắc giải thoát. Chữ “Niết-bàn” ở đoạn kinh này là nói chung.

Do chư Bồ-tát nương nơi Bát-nhã mà tỏ ngộ ba vô tính, nhờ ngã và pháp cả hai đều không nên hiển rõ tất cả là không, tâm không còn bị hai chướng làm trở ngại, không còn bị năm thứ sợ hãi làm kinh sợ, không còn bị bảy đảo trói buộc, mộng tưởng làm mê hoặc, liền được cứu cánh, chứng hợp Niết-bàn.

Hoặc là các Bồ-tát do nhờ nương nơi Bát-nhã mà hành vị thắng giải, trong đạo tư lương, dần dần chế phục hai chướng phân biệt hiện hành. Ở đạo gia hạnh, có thể hàng phục dứt hết nhanh chóng, cũng có thể dần chế phục hai chướng cấu sinh, tâm không chướng ngại. Trong vị kiến đạo, đoạn trừ chấp phân biệt, tùy nguyện nhanh chóng viên mãn, không có sợ hãi. Ở vị tu đạo giải, hành tăng rộng, đoạn các điền đảo, xa lìa tất cả mộng tưởng sinh tử. Ở đạo vô học Niết-bàn là cứu cánh. Trong

bốn giai đoạn trên là nói theo sự tăng dần.

Kinh: *Tam thế chư Phật y Bát-nhã-Ba-la-mật-đa đắc cố đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề.* (Ba đời Chư Phật nương nơi Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa nên chứng đắc đạo quả Bồ-Đề Vô Thượng.)

Tán viết: Người thắng không nói: Trước là tán thán lợi ích nhân dựa vào mà đoạn chương nhiễm. Sau là tán thán lợi về quả chứng đắc Bồ-đề do dựa vào Bát-nhã.

“Ba đời”: là quá khứ, hiện tại, vị lai.

“Chư Phật”: Vì chẳng phải chỉ có một đức Phật. Tiếng Phạm nói là “Phật Đà”, tiếng Hoa lược nói là Phật, là bậc chủ có tuệ, đời Đường gọi là bậc giác ngộ.

“Đắc”: là chứng đắc.

“A” là vô. “Nậu Đa La” là thượng.

“Tam” là chính. “Miệu” là đẳng. Không có pháp nào hơn được gọi là vô thượng. Biết khắp lý và sự, gọi là Chánh đẳng. Lìa vọng, chiếu chân gọi là Chánh giác. Tức chính là Chánh đẳng Chánh giác vô Thượng. Luận Đại Trí Độ nói: Trí và xứ của trí đều gọi là Bát-nhã. Chư Phật ở ba đời nhờ nương vào đó mà chứng trí đạt không, gọi là đắc Chánh giác. Hoặc chỉ Không tính gọi là Bồ-đề, diệu thể của Như Lai tức là Pháp thân.

Người như ứng nói: Xuất sinh tử mà tuệ ngộ, như tỉnh giấc mộng. Khế hợp pháp tính mà phô bày, dụ như hoa nở. Thành tựu trí chân tục, đủ tự giác, giác tha. Tuệ hành đều mãn, gọi là Phật. Giác tuệ viên mãn, tuy chẳng còn tu, nhưng giữ vững không xả, để cứu độ loài hữu tình, vì vậy mà nói, Phật nương nơi Bát-nhã. Hoặc nương vào tức là tu, vì Phật do ở vị nhân, nương hành Bát-nhã mà đắc Chánh giác. Đây có năm pháp: Tịnh pháp giới tức Pháp thân Phật, chân như, Niết-bàn, đủ tính tướng chân thật, công đức vi diệu, do quán lý không mà đắc quả. Bốn trí còn lại là đức hữu vi tức là thân Phật thọ dụng đã chứng, là quả đạt được nhờ tu nhân tự lợi. Vì đại Bồ-tát mà hiện tướng tịnh nơi thân Phật rộng lớn gọi là tha thọ dụng. Vì hàng Nhị thừa mà hiện tướng tịnh uế, nơi thân Phật bất định gọi là biến hóa, đều vì lợi tha mà hiện. Thân tự thọ dụng có đủ một trăm bốn mươi công đức Bất cộng chân thật. Đó là ba mươi hai loại tướng đại trượng phu của Như Lai, tám mươi tướng đẹp tùy thuận, bốn nhất thiết chủng thanh tịnh, mười lực, bốn vô sở úy, ba Niệm trụ, ba Bất Hộ, đại bi, không quên mất tập khí vĩnh viễn dứt trừ, Nhất thiết chủng diệu trí, tám giải thoát, tám thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười biến xứ, bốn vô lượng, ba môn giải thoát, ba nhãn vô sinh,

ba mươi bảy loại phần pháp Bồ-đề, năm nhãn, sáu thông, bốn Vô ngại giải, nguyện trí vô tránh, Thường trụ tính xả, mười tám pháp Phật bất cộng, cho đến Nhất thiết chủng trí, vô lượng công đức nói không thể hết. Thân tha thọ dụng và thân biến hóa cũng có đủ các công đức tương tự đó. Công đức hữu vi gồm thâu nơi bốn trí, lấy trí làm chủ gọi là Bồ-đề trí. Pháp thân chân như gọi là Bồ-đề đoạn. Như Khế kinh nói: Bồ-đề trí và Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề. Do đó mà biết đều xưng là Bồ-đề. Trí, đoạn viên mãn gọi là giác ngộ vô thượng.

Phần Kim cang nói: Tất cả chư Phật từ kinh này xuất, tất cả Như Lai từ kinh này sinh, do đó ba Phật đều là Bồ-đề.

Phần Lý thú nói: Tin học kinh này, mau chóng đầy đủ hạnh chư Bồ-tát, mau chứng Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng, cho nên tam Bồ-đề đều do đây mà chứng đắc.

Kinh: *Cố tri Bát-nhã-Ba-la-mật-đa thị đại thân chú, thị đại minh chú thị vô thượng chú. (Nên biết Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa là thân chú lớn, là minh chú lớn là chú Vô thượng là chú vô đẳng đẳng).*

Tán: Người thắng không nói: Đoạn trước tỏ riêng về hai sự nương dựa nhân quả, đạt hai lợi là đoạn. Phần sau là tán thán chung về thắng dụng của Bát-nhã.

Theo đoạn văn trước để khởi kết do đó nói: “Nên biết”.

Diệu dụng rộng khắp gọi là “Thần”. Soi sáng tất cả gọi là “Minh”. Tối thắng bậc nhất, gọi là “Vô thượng”, không gì có thể so sánh được, gọi là “Vô đẳng đẳng”. Đại sư nêu bí mật, pháp diệu làm kỹ cương, hiển chánh trừ tà, dứt ác hành thiện, linh kỳ kính phụng, Hiền Thánh tuân giữ, oai lực chẳng gì hơn nên gọi là “chú”. Người như ứng nói : Tiếng Phạm gọi là Đà la ni, trung hoa dịch là Tổng trì. Tóm lược có bốn loại tổng trì:

1. Pháp: Dùng giáo tóm lược bao hàm rộng;
2. Nghĩa: Dùng nghĩa tóm lược bao hàm rộng,
3. Năng đắc vô minh nhãn của Bồ-tát. Bồ-tát Từ thị nói: Nhất chỉ mật chỉ cát chỉ từ từ để bát đà nhị sa ha.

4. Chú Đại Kinh nói: Nạp mộ bạc già phạt đế nhất bát thích Ba-la nhĩ đa duệ đát điệt tha thất lệ duệ, thất lệ duệ thất lệ duệ tế sa ha. Thần lực chú này có nói rộng trong Đại kinh. Niệm tuệ có thể gồm đủ hàm vạn đức. Thuận theo xưa nói tổng lập làm tên chú. Nay nương theo phần.

Trước hết hai tổng trì pháp, nghĩa, để khởi Chú sau.

Vì vậy nói “cho nên biết” (cố tri)

Do tổng trì này nên vượt ra khỏi Dị sinh, Thanh-văn. Độc giác, và Bồ-tát. Hoặc văn tự diệu dụng, quán chiếu soi trọn, quyền thuộc tăng ích, thật tướng không thể ví dụ. Hoặc cả bốn đều thông, cho nên, Bát-nhã này gọi là chú thần... Hoặc Bát-nhã này là đại thần cho đến là chú mà không ai có thể sánh bằng nói ra. Khuyên các người học đều tu theo mười pháp hành của kinh này Bồ-tát Từ thị, tụng nói :

*Cúng dường sách, viết lách
Cho người nghe, cầu đọc
Thọ trì chính khai diễn
Phúng tụng, tư duy tu
Người hành mười pháp ấy
Được phước tụ vô lượng
Thù thắng và vô tận
Do nhiếp tha chẳng dừng.*

Kinh: năng trừ nhất thiết khổ ách (Có thể dứt trừ tất cả khổ) Tán:

Trước là hiển bày tỏ về đủ đức, đây là nói rõ về phá ác.

Tin, học, chứng nói đều trừ các khổ, nên Đại kinh nói: Nếu có thể hành mười pháp nơi kinh này thì tất cả chướng ngại, ngăn che đều không thể nhiễm, tuy tạo tất cả nghiệp ác cực nặng, nhưng có thể siêu vượt tất cả cõi ác. Giả sử giết tất cả chúng sanh ở tam giới vẫn không do vậy mà bị đọa địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, dù trụ ở trong rừng rậm phiến nã, nhưng vẫn như hoa sen không bị nhiễm. Thường hòa hợp với tất cả thắng sự, đối với pháp, hữu tình, đắc trí vô ngại, khéo ngộ nhập các tính bình đẳng, có thể điều phục các thứ sân hận của tự và tha, khởi tâm từ với các kẻ oán địch trong đời này thường thấy chư Phật, đắc trí Túc trú. Chánh pháp đã nghe đều đạt tổng trì không quên. Các hỷ lạc thù thắng thường hiện tiền, luôn siêng tinh tiến tu các pháp thiện. Ma ác, ngoại đạo không thể cản trở. Tứ Thiên vương thường theo hộ vệ, trọn không bị chết dữ, không bị suy hoạn. Chư Phật Bồ-tát cũng thường hộ trì, khiến cả mọi lúc thiện tăng ác giảm. Tùy nguyện vãng sinh ở các cõi Phật. Cho đến đạt được Bồ-đề, không đọa cõi ác, chóng được viên mãn các hạnh Bồ-tát, mau chứng đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng, tùy sở nguyện nơi tâm đều được thành tựu. Do đó thành vua bốn chúng vừa tụng niệm mà ma được hàng phục. Thiên cung, thiên nhân vừa thọ trì mà oán địch tan vỡ, huống nữa là tự mình ân cần trông nhân, tròn quả mà chẳng làm thầy cả năm cõi, chẳng làm chủ cả mười phương.

Kinh: *Chân thật bất hư (Chân thật không hư dối)*

Tán: Để trừ bỏ sự nghi ngờ, khuyên tin mà lập lại lời này. Do đó,

kinh nói: Như Lai là người nói lời chân thật, cho đến là người không nói lời sai khác, nên phải tin phụng, đừng khởi nghi hoặc.

**Kinh: *Cổ thuyết Bát-nhã-Ba-la-mật-đa chú tức thuyết chú viết :
Yết đế, yết đế, Ba-la yết đế, Ba-la tăng yết đế, Bồ-đề sa ha. Nên
thuyết chú Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa, liền nói Chú:***

Yết đế, Yết Đế. Ba-la Yết Đế, Ba-la Tăng Yết Đế, Bồ-Đề Sa Ha

Tán viết: Trên đã nói về việc thọ trì cả hai thứ pháp và nghĩa, tuy khuyên tin học, nhưng muốn khiến được thần dụng mau chóng gồm đủ, nên lại thuyết thêm chú trì. Đức Phật dùng tuệ, bi, nguyện hành khó tu trong suốt cả đại kiếp, tóm nêu văn tự, ý nghĩa sâu xa, giáo lý mênh mông, khó mà chú thích được rõ ràng.

Trình ứng năm thứ Ba. (Năm Giáp thân), tháng giêng ngày 15

